

HỢP ĐỒNG THUÊ XE Ô TÔ

(Số: 0111/HDTX)

- Căn cứ theo bộ Luật dân sự sửa đổi ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;

- Căn cứ vào Luật dân sự 2005;
- Căn cứ vào chức năng, quyền hạn của hai bên ký kết hợp đồng;
- Căn cứ nhu cầu và điều kiện của các bên;

Hôm nay, ngày 01 tháng 11 năm 2021, tại Công Ty TNHH TM& DV vận tải Yên Nhi chúng tôi gồm các bên sau:

BÊN CHO THUÊ XE (Bên A): CÔNG TY TNHH TM&DV VẬN TẢI YÊN NHI

Đại diện : Ông Phan Ngọc Tuyên
Chức vụ : Giám Đốc
Địa chỉ : Số 16, Đường Dương Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
MSDN : 010694460

BÊN THUÊ XE (Bên B): CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ PHÚC BÌNH

Đại diện : Bà Trịnh Thu Thủy
Chức vụ : Giám Đốc
Địa chỉ : Số nhà 6 ngõ 77 ngách 77/5 Phố Bùi Xương Trạch, P. Khương Đình, Q Thanh Xuân, Tp . Hà Nội
MSDN : 0107948728

Chúng tôi cùng thỏa thuận về hợp đồng thuê xe ô tô với những nội dung sau đây:

Điều 1: Đối tượng của Hợp đồng

1.1. Đối tượng của hợp đồng này là chiếc xe nhãn hiệu TOYOTA FOTUNER

1.2. Đặc điểm, tình trạng xe:

- Số khung : RL4YX59G2B9012789 ;
- Số máy : 2TR7136241 ;
- Biển số : 29A-324.57 ;
- Màu sơn : Đen ;

Điều 2: Mục đích, thời hạn thuê, giao nhận xe

2.1. Bên B thuê xe ô tô trên sử dụng vào mục đích: Đi lại, chuyên chở người và hàng hóa.

2.2. Thời hạn thuê là: Kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2.3. Bên A giao xe trực tiếp cho bên B tại: Số 16, Đường Dương Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2021.

2.4. Bên B trả xe cho bên A trong thời hạn 24 giờ từ khi hết thời hạn thuê xe tại: Số 16, Đường Dương Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điều 3: Giá thuê, phương thức thanh toán

3.1. Giá thuê xe là giá thuê cho việc sử dụng xe trong thời gian thuê, không bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí về quản lý, sửa chữa xe trong quá trình sử dụng ;
- Chi phí về bồi thường thiệt hại trong trường hợp bên B gây tai nạn hoặc làm hư hỏng xe.

3.2. Giá thuê xe cho 01 tháng là: 16.500.000 VNĐ/ Tháng (Bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn ./.)

- Biên bản xác nhận giữa hai bên sẽ là cơ sở số liệu để Bên A xuất hóa đơn và Bên B thanh toán;

- Giá thuê công bố tại từng thời điểm là giá đã bao gồm 10% thuế GTGT.

3.3. Phương thức thanh toán:

- Bên B sẽ thanh toán cho Bên A trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Bên B nhận được các chứng từ sau:

+ Biên bản số liệu tổng cước phí vận chuyển phát sinh của tháng cần thanh toán;

+ Hóa đơn GTGT tương ứng với số tiền phải thanh toán của Bên B.

- Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản;

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

Điều 4: Đặt cọc

Tại thời điểm hai bên ký vào hợp đồng này, bên B đặt cọc cho bên A số tiền là: 10.000.000 VNĐ để bảo đảm việc thực hiện hợp đồng thuê xe. Số tiền này bên A sẽ trả cho bên B khi chấm dứt hợp đồng trừ trường hợp bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng không theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này ;

Trong trường hợp bên A đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng không thuộc trường hợp quy định tại Điều 5 của hợp đồng này thì bên A phải trả lại cho bên B số tiền đặt cọc cộng với một khoản tiền bằng số tiền đặt cọc.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của bên A

5.1. Quyền của bên A:

- Nhận đủ tiền thuê xe đúng kỳ hạn đã thỏa thuận;
- Được lấy lại xe cho thuê khi thời hạn thuê đã hết;
- Yêu cầu bên B sửa chữa phần hư hỏng, bồi thường thiệt hại do lỗi của bên B gây ra trong thời gian thuê xe;

- Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê xe nhưng phải báo cho bên B biết trước ít nhất 07 ngày và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu bên B có một trong các hành vi sau đây:

- + Bên B chậm nhận tài sản trong thời hạn 07 ngày từ thời điểm giao xe đã ghi trong hợp đồng này;
- + Bên B không trả tiền thuê trong thời hạn 10 ngày khi đến kỳ thanh toán xác định tại khoản 3.3 Điều 3 của hợp đồng này;
- + Sử dụng xe không đúng công dụng, mục đích đã thỏa thuận;
- + Bên B sử dụng xe trở hàng quốc cấm, hàng lậu hay sử dụng vào mục đích xấu; đem xe đi cầm cố, thế chấp;
- + Bên B có hành vi hủy hoại tài sản thuê ;
- + Bên B cho mượn, cho thuê lại xe đang thuê mà không có sự đồng ý bằng văn bản của bên A.

5.2. Nghĩa vụ của bên A:

- Giao xe, trang thiết bị kèm theo xe (nếu có) cho bên thuê theo đúng thời hạn và đúng tình trạng đã thỏa thuận trong hợp đồng này;

- Phổ biến cho bên B quy định về quản lý sử dụng xe;

- Bảo đảm cho bên thuê sử dụng xe ổn định trong thời hạn thuê;

- Bảo dưỡng, sửa chữa những hư hỏng, khuyết tật của tài sản thuê trừ trường hợp hư hỏng do lỗi của bên B gây ra hoặc những hư hỏng nhỏ thì bên B phải tự sửa chữa.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của bên B

6.1. Quyền của bên B:

- Số Km bên B được đi tối đa trong tháng là: **4.500 Km**, nếu vượt quá thì phải trả phụ phí phát sinh **2.000 đồng/Km**;

- Nhận xe, trang thiết bị kèm theo xe (nếu có) đúng thời hạn và đúng tình trạng đã thỏa thuận trong hợp đồng này;

- Được bên A hướng dẫn quy định về quản lý sử dụng xe;

- Được cho mượn, cho thuê lại xe nếu được sự đồng ý bằng văn bản của bên A;

- Yêu cầu bên cho thuê sửa chữa những hư hỏng, khuyết tật của tài sản thuê trừ trường hợp hư hỏng do lỗi của bên B gây ra hoặc những hư hỏng nhỏ thì bên B phải tự sửa chữa;

- Được khấu trừ tiền thuê xe trong những ngày bên A sửa chữa những hư hỏng của xe mà không phải do lỗi của bên B;

- Được ưu tiên ký hợp đồng thuê tiếp, nếu đã hết hạn thuê mà xe vẫn dùng để cho thuê;

- Được tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thoả thuận với bên cho thuê, trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu xe;

- Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê xe nhưng phải báo cho bên A biết trước ít nhất 07 ngày và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu bên A có một trong các hành vi sau đây:

+ Bên A chậm giao tài sản trong thời hạn 02 ngày từ thời điểm giao xe đã ghi trong hợp đồng này;

+ Bên A giao xe không đúng với tình trạng đã ghi trong hợp đồng này;

+ Bên A không sửa chữa hư hỏng, khuyết tật của xe theo yêu cầu của bên B trừ trường hợp hư hỏng do lỗi của bên B gây ra hoặc những hư hỏng nhỏ thì bên B phải tự sửa chữa;

+ Quyền sử dụng xe bị hạn chế do lợi ích của người thứ ba.

6.2. Nghĩa vụ của bên B:

- Sử dụng xe đúng mục đích đã thoả thuận;

- Tự chịu trách nhiệm về việc quản lý nhân viên lái xe của bên B;

- Chịu toàn bộ chi phí xăng dầu khi sử dụng xe;

- Nếu xe chạy được **5.000 Km** trở lên, bên B phải tự thay dầu một lần;

- Không được cho mượn, cho thuê lại trừ trường hợp được bên A đồng ý bằng văn bản;

- Bên B không được: Sử dụng xe trở hàng quốc cấm, hàng lậu hay sử dụng vào mục đích xấu; đem xe đi cầm cố, thế chấp;

- Trả đủ tiền thuê đúng kỳ hạn đã thoả thuận;

- Giữ gìn, sửa chữa những hư hỏng do bên B gây ra hoặc những hư hỏng nhỏ bên B tự sửa chữa;

- Trả lại xe khi hết thời hạn thuê đúng tình trạng ban đầu ghi trong hợp đồng này trừ trường hợp hao mòn tự nhiên trong quá trình sử dụng.

Điều 7: Chấm dứt hợp đồng thuê xe

Hợp đồng thuê nhà được ký kết giữa bên A và bên B chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Hợp đồng thuê xe hết hạn;

- Hai bên thoả thuận chấm dứt hợp đồng;

- Xe cho thuê không còn;

- Các trường hợp đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng quy định tại Điều 5 và Điều 6 Hợp đồng này.

Điều 8: Giải quyết tranh chấp

Trong quá trình thực hiện hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết; trong trường hợp không tự giải quyết được, cần phải thực hiện bằng cách hòa giải; nếu hòa giải không thành thì đưa ra Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 9: Các thỏa thuận khác (nếu có)

Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện thấy những vấn đề cần thỏa thuận thì hai bên có thể lập thêm phụ lục hợp đồng. Nội dung Hợp đồng phụ có giá trị pháp lý như hợp đồng chính. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ hợp đồng này phải lập thành văn bản mới có giá trị để thực hiện.

Điều 10: Cam kết của các bên

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cũng cam kết sau đây:

10.1. Đã khai đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của những thông tin về nhân thân đã ghi trong hợp đồng này.

10.2. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả những thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng này; nếu bên nào vi phạm mà gây thiệt hại, thì phải bồi thường cho bên kia hoặc cho người thứ ba (nếu có).

10.3. Hợp đồng này có giá trị kể từ ngày hai bên ký.

Bản Hợp đồng này có 10 (mười) điều, 05 (năm) trang và lập thành 02 (hai) bản chính có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản.

BÊN CHO THUÊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

[Handwritten signature]

GIÁM ĐỐC

Phan Ngọc Huyền

BÊN THUÊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

[Handwritten signature]

GIÁM ĐỐC

Trình Thu Thủy

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: 29A-324.57 Số quản lý: 2907D-012693

(Registration Number) (Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) 0 70-001

Nhà sản xuất: (Manufacturer) TOYOTA

Số loại: (Model code) FORTUNER TGN5L-1NKPSKU

Số máy: (Engine Number) 2T97136241

Số khung: (Chassis Number) RL4VX569S2B9012789

Nhân hạn SD: (License holder name) Nham Van SD

Nhà sản xuất: (Manufacturer) (Lighting hour to)

Loại động cơ: (Engine and Gearbox) Cải tạo (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công suất bánh xe: (W) 1540/1540 (mm) (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Trend)

Kích thước base: (Overall Dimension) 4695 x 1840 x 1850 (mm) (mm)

Kích thước hàng thùng xe: (Trailer cargo container dimension) (mm) (mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2750 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerf mass) 1845 (kg)

Khối lượng hàng OC theo TKCP TGGT: (kg)

(Design/Authorized payload) (kg)

Khối lượng toàn bộ theo TKCP TGGT: 2450/2450 (kg)

(Design/Authorized total mass) (kg)

Khối lượng kéo theo TKCP TGGT: (kg)

(Design/Authorized towed mass) (kg)

Số người cho phép chở: 7 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm

(Permitted No. of Person Carried, seat, stand place, lying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel kind) Xăng

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 2694 (cm³)

Công suất lớn nhất/ốc độ quay: (Max output/rpm) 118(kW)/5200rpm

Số sê-ri: (No.) KD-7301393 4373147992

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires, Tire size/type)

1: 2; 265/65R17

2: 2; 265/65R17

Số phiếu kiểm định

(Inspection Report No.)

292TD-08357/21

Có hiệu lực đến hết ngày

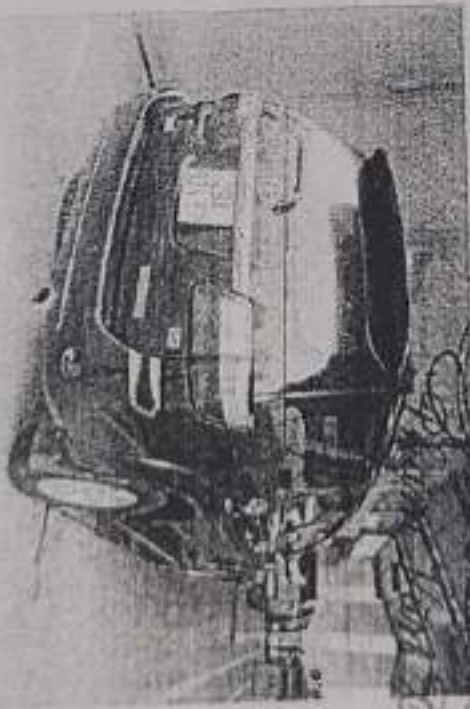
(Valid until) 27/04/2022

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2021

(Issued on Day/Month/Year)

ĐƠN VI KIỂM ĐỊNH

(INSPECTION CENTER)



Cơ sở thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Teletography)
Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued).
Ghi chú: Biển đang kỳ nộp thuế



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam
CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Ha Noi city's Public Security
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
The traffic police Division
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
Car Registration Certificate
Số (Number): 265162



Tên chủ xe (Owner's full name): CT TNHH TM & DV VẬN TÀI YÊN NHI Số máy (Engine N°): 2TR7136241
Địa chỉ (Address): 16 Đường Đình Nghệ, Yên Hòa, CG, HN Số khung (Chassis N°): 59G2B9012789
Nhãn hiệu (Brand): TOYOTA Số loại (Model code): FORTUNE
Loại xe (Type): Ô tô con Dung tích (Capacity): 2694
Màu sơn (Color): Đen
Tải trọng: Hàng hoá: kg; Số chỗ ngồi (Sit): 7 đứng (Stand): năm (Lie):
Đăng ký xe có giá trị đến ngày (date of expiry):
Hà Nội, ngày (date) 24 tháng 11 năm 2016

Biển số đăng ký (N°Plate) (T)
29A-324.57

TRƯỜNG PHONG
[Signature]

Đăng ký lần đầu ngày:
Date of first registration:
11/25/2011

[Handwritten signature]